TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2024/DS-PT
Ngày 10/4/2024
V/v "Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé.
Các Thẩm phán: Ông Vũ Việt Dũng.
Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Trung Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng:*** Ông Lê Anh Pha - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 207/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc *"Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 93/2023/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 17/2024/QĐ-PT ngày 22/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 60/2024/QĐ-PT ngày 02/02/2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 82/2024/QĐPT-DS ngày 29 tháng 02 năm 2024 và số: 116/2024/QĐPT-DS ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Hứa Hoàng T. Sinh năm 1988. Địa chỉ: PT Tây, phường V, thành phố T, tỉnh B. Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Đình C. Sinh năm: 1976. Địa chỉ: 79 đường L, quận C, thành phố Đ (Theo Giấy ủy quyền ngày 12/6/2023). Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Tiến C, sinh năm: 1986. Địa chỉ: 10 đường N, phường A, quận T, thành phố Đ.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Trần Thị Thùy T. Sinh năm 1975; Địa chỉ thường trú: tổ 28 phường T, quận T, thành phố Đ; địa chỉ liên hệ: 31 đường L, thành phố Đ. (Theo văn bản ủy quyền ngày 27/02/2024). Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Hoàng Duy S. Sinh năm 1994. Địa chỉ: 454, DD KP2, Phú Tân, thành phố T, tỉnh B. Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Đình C. Sinh năm: 1976. Địa chỉ: 79 đường L, quận C, thành phố Đ (Theo Giấy ủy quyền ngày 23/8/2023). Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Bùi Tiến C là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Đình C trình bày:* Giữa ông Hứa Hoàng T và ông Bùi Tiến C có quan hệ làm ăn buôn bán hành tỏi. Ông T giao sỉ hành tỏi cho ông C tại khu chợ đầu mối Hòa Cường Đà Nẵng và ông C thanh toán tiền hàng cho ông T bằng hình thức chuyển khoản Ngân hàng. Việc mua bán vẫn tiếp diễn bình thường cho đến cuối tháng 09/2020, ông C hứa hẹn trả nợ nhưng không thực hiện. Vì thế, để đảm bảo việc thu hồi nợ, cũng như nhắc nhở ông C có trách nhiệm thanh toán nợ đúng hẹn, ông T và ông C đã lập Bản Hợp đồng công nợ hàng hóa (V/v xác nhận nợ). Theo đó, hai bên rà soát và xác nhận tính đến ngày 06/10/2020, bên mua hàng là ông Bùi Tiến C còn nợ bên bán hàng là ông Hứa Hoàng T tổng số tiền là 4.313.940.000 đồng. Hai bên cam kết, ông C phải thanh toán cho ông Tsố tiền 2.313.940.000 đồng trước ngày 06/11/2020. Số tiền còn lại 2.000.000.000 đồng ông C sẽ thanh toán từ ngày 07/11/2020 đến 07/4/2021 mỗi tháng sẽ thanh toán tối thiểu 70.000.000 đồng. Từ ngày 08/04/2021 đến 08/07/2021, các bên thỏa thuận ông C sẽ thanh toán phần còn lại chia đều từng tháng. Đồng thời, ông C phải chịu trách nhiệm đối với số tiền chậm trả tương ứng với mức lãi suất 1,5%/tháng. Như vậy, theo thỏa thuận trên, đến ngày 08/07/2021 thì ông Cphải thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ. Sau đó, hai bên tiếp tục làm ăn buôn bán với nhau và ông C đã trả dần số tiền nợ cho ông T qua hình thức chuyển khoản Ngân hàng với tổng số tiền tính đến ngày 16/01/2023 là 3.219.759.100 đồng, còn nợ ông T số tiền là 1.094.180.900 đồng. Cụ thể như sau:

- Ngày 16/10/2020, ông C đã thanh toán số tiền: 500.000.000 đồng;
- Ngày 18/12/2020, ông C đã thanh toán số tiền: 400.000.000 đồng;
- Ngày 27/01/2021, ông C đã thanh toán số tiền: 500.000.000 đồng;
- Ngày 10/09/2021, ông C đã thanh toán số tiền: 50.000.000 đồng;
- Ngày 04/11/2021, ông C đã thanh toán số tiền: 189.992.500 đồng;
- Ngày 11/01/2022, ông C đã thanh toán số tiền: 500.000.000 đồng;
- Ngày 30/01/2022, ông C đã thanh toán số tiền: 300.000.000 đồng;
- Ngày 09/05/2022, ông C đã thanh toán số tiền: 150.000.000 đồng;
- Ngày 15/07/2022, ông C đã thanh toán số tiền: 438.353.000 đồng;
- Ngày 21/07/2022, ông C đã thanh toán số tiền: 160.913.000 đồng;
- Ngày 06/09/2022, ông C đã thanh toán số tiền: 10.000.000 đồng;
- Ngày 16/01/2023, ông C đã thanh toán số tiền: 20.500.000 đồng;

Từ sau ngày 16/01/2023 đến nay, mặc dù ông T đã nhiều lần liên hệ nhưng ông C không trả tiền. Do ông C vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông Hứa Hoàng T yêu cầu buộc ông Bùi Tiến C phải trả cho ông T số tiền tính đến ngày 31/03/2023 là 2.057.005.786 đồng. Trong đó, nợ gốc là 1.094.180.900 đồng, tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán là 962.824.886 đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- *Bị đơn là ông Bùi Tiến C* mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông C vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Đại đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Đình C trình bày:* Giữa ông Hứa Hoàng T và ông Bùi Tiến C có quan hệ làm ăn buôn bán hành tỏi và giao dịch qua số Tài khoản 060182443444. Ông Hoàng Duy S là chủ tài khoản này. Vào ngày 06/10/2020, Giữa ông Hứa Hoàng T và ông Bùi Tiến C có xác nhận công nợ và ông S là người làm chứng. Việc ông Bùi Tiến C nợ ông Hứa Hoàng T, ông S không liên quan gì đến tiền bạc mà chỉ là người làm chứng việc xác nhận nợ của giữa ông Hứa Hoàng T và ông Bùi Tiến C, riêng về Tài khoản 060182443444 này ông S và ông Hứa Hoàng T cùng dùng chung từ trước đến nay.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 93/2023/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định: Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Hứa Hoàng T đối với bị đơn là ông Bùi Tiến C. Buộc ông Bùi Tiến C phải trả cho ông Hứa Hoàng T số tiền 2.057.005.786 đồng. Trong đó, nợ gốc là 1.094.180.900 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán là 962.824.886 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi Thành án xong, bên phải Thành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải Thành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí DSST: Ông Bùi Tiến C phải chịu là 73.140.000 đồng *(Bảy mươi ba triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng)*. Hoàn trả lại cho ông Hứa Hoàng T số tiền 37.400.000 đồng *(Ba mươi bảy triệu bốn trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí DS-ST đã nộp theo biên lai thu số 0000040 ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại Chi cục Thành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/11/2023, ông Bùi Tiến C có đơn kháng cáo, ông cho rằng ngày 01/11/2023, vợ chồng ông đi làm về thì phát hiện trước hiên nhà có bì thư đề tên Tòa án nhân dân quận Thanh Khê (không có dấu bưu điện) bên trong có Bản

án sơ thẩm. Trong Bản án có ghi *''Bị đơn ông Bùi Tiến C mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Cvẫn cố tình vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn''*. Về vấn đề này ông khẳng định không hề biết, không hề nhận được bất cứ văn bản nào của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê liên quan đến vụ kiện dân sự này mặc dù đại chỉ thường trú của gia đình ông là rõ rằng, thường xuyên có người nhà 24/24. Về nội dung vụ việc: Ngày 06/10/2020, ông và ông Hứa Hoàng T có ký xác nhận công nợ tạm thời, số tiền 2.000.000.000 đồng, không phải 4.313.940.000 đồng và trên thực tế số tiền trên đã được thanh toán hết. Ông có đủ cơ sở giấy chuyển tiền từ Ngân hàng để chứng minh nên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của ông Bùi Tiến C thì thấy:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử sơ thẩm, ông Bùi Tiến C là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm niêm yết công khai tại nơi cư trú của ông C, UBND phường An Khê và trụ sở Tòa án là đảm bảo thủ tục tố tụng. Sau khi xét xử sơ thẩm xong, ông Ccũng đã nhận được Bản án sơ thẩm và thực hiện quyền kháng cáo của mình để cấp phúc thẩm xem xét lại Bản án sơ thẩm là đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông theo quy định của pháp luật. Do đó, việc ông khai nại trên là không có căn cứ.

[1.2] Về nội dung: Giữa nguyên đơn và bị đơn có quan hệ làm ăn buôn bán hành tỏi với nhau tại khu vực Chợ Đầu Mối Hòa Cường Đà Nẵng nên phát sinh công nợ với nhau. Căn cứ Hợp đồng công nợ hàng hóa; nội dung tin nhắn Zalo do nguyên đơn là ông Hứa Hoàng T cung cấp thì vào ngày 06/10/2020, Bên A (Bên bán hàng) ông Hứa Hoàng T và Bên B (Bên mua hàng) ông Bùi Tiến C có thỏa thuận xác nhận nợ tính đến ngày 06/10/2020. Bên B còn nợ Bên A tổng số tiền 4.313.940.000 đồng. Theo thỏa thuận của hợp đồng thì ông C phải thanh toán cho ông T số tiền 2.313.940.000 đồng trước ngày 06/11/2020. Số tiền còn lại 2.000.000.000 đồng sẽ thanh toán: Từ ngày 07/11/2020 đến 07/4/2021 (05 tháng), mỗi tháng ông C phải trả cho ông T tối thiểu số tiền 70.000.000 đồng. Từ ngày 08/4/2021 đến 08/7/2021 (03 tháng) ông C sẽ thanh toán phần còn lại chia đều từng tháng. Nếu ông C chậm trả tiền theo thỏa thuận thì phải được ông T đồng ý bằng văn bản hoặc phải chịu lãi suất chậm trả 1,5%/1 tháng. Tuy nhiên, ông C đã không thực hiện trả nợ đúng kỳ hạn và số tiền phải trả như đã cam kết. Ông T xác nhận, tính đến ngày 16/01/2023, ông C đã trả được cho ông T tổng cộng số tiền là 3.219.759.100 đồng, còn nợ ông T số tiền là 1.094.180.900 đồng nên ông T yêu cầu

buộc ông C phải trả cho ông T tổng cộng số tiền tính đến ngày 31/3/2023 là 2.057.005.786 đồng, trong đó, nợ gốc: 1.094.180.900 đồng, nợ lãi: 962.824.886 đồng và lãi phát sinh từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Tại giai đoạn sơ thẩm, ông Bùi Tiến C đã được cấp sơ thẩm niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, ông C đều vắng mặt không tham gia.

[1.3] Xét thấy: Tại Hợp đồng công nợ hàng hóa, theo ông Hứa Hoàng T cung cấp thì tính đến ngày 06/10/2020, giữa ông Hứa Hoàng T và ông Bùi Tiến C có chốt công nợ xác nhận ông C còn nợ ông T tổng số tiền 4.313.940.000 đồng, trong đó tính đến ngày 16/01/2023, số tiền 3.219.759.100 đồng Cường đã trả dần số tiền nợ cho ông T qua hình thức chuyển khoản Ngân hàng được ông T thừa nhận 12 giao dịch. Cụ thể như sau:

- Ngày 16/10/2020, ông C đã thanh toán số tiền: 500.000.000 đồng;
- Ngày 18/12/2020, ông C đã thanh toán số tiền: 400.000.000 đồng;
- Ngày 27/01/2021, ông C đã thanh toán số tiền: 500.000.000 đồng;
- Ngày 10/9/2021, ông C đã thanh toán số tiền: 50.000.000 đồng;
- Ngày 04/11/2021, ông C đã thanh toán số tiền: 189.992.500 đồng;
- Ngày 11/01/2022, ông C đã thanh toán số tiền: 500.000.000 đồng;
- Ngày 30/01/2022, ông C đã thanh toán số tiền: 300.000.000 đồng;
- Ngày 09/5/2022, ông C đã thanh toán số tiền: 150.000.000 đồng;
- Ngày 15/7/2022, ông C đã thanh toán số tiền: 438.353.000 đồng;
- Ngày 21/7/2022, ông C đã thanh toán số tiền: 160.913.000 đồng;
- Ngày 06/9/2022, ông C đã thanh toán số tiền: 10.000.000 đồng;
- Ngày 16/01/2023, ông C đã thanh toán số tiền: 20.500.000 đồng;

[1.4] Tại giai đoạn phúc thẩm, ông Bùi Tiến C đã xuất trình thêm 16 giao dịch trả nợ khác với tổng số tiền là 1.564.136.000 đồng (có xác nhận của Ngân hàng TMCP Sài gòn Thương Tín- Chi nhánh Sông Hàn thành phố Đà Nẵng), cụ thể:

- Ủy nhiệm chi ngày 14/12/2020 trả: 28.500.000 đồng;
- Ủy nhiệm chi ngày 23/12/2020 trả: 42.000.000 đồng;
- Ủy nhiệm chi ngày 04/01/2021 trả: 303.876.000 đồng;
- Ủy nhiệm chi ngày 12/01/2021 trả: 27.592.000 đồng;
- Ủy nhiệm chi ngày 08/02/2021 trả: 257.632.500 đồng;
- Ủy nhiệm chi ngày 20/4/2021 trả: 1.500.000 đồng;
- Ủy nhiệm chi ngày 10/5/2021 trả: 101.610.000 đồng;
- Ủy nhiệm chi ngày 10/5/2021 trả: 11.290.000 đồng;
- Ủy nhiệm chi ngày 03/7/2021 trả: 10.000.000 đồng;

(Tổng cộng 784.000.500 đồng, số tiền này được chuyển vào tài khoản 31510001063435 của ông Hứa Hoàng T).

- Ủy nhiệm chi ngày 27/9/2021 trả: 212.376.000 đồng;
- Ủy nhiệm chi ngày 11/10/2021 trả: 211.200.000 đồng;
- Ủy nhiệm chi ngày 30/10/2021 trả: 120.000.000 đồng;

- Ủy nhiệm chi ngày 17/11/2021 trả: 84.060.000 đồng;
- Ủy nhiệm chi ngày 29/11/2021 trả: 107.000.000 đồng;
- Ủy nhiệm chi ngày 05/5/2022 trả: 38.500.000 đồng;
- Ủy nhiệm chi ngày 24/5/2022 trả: 7.000.000 đồng;

(Tổng cộng 780.136.000 đồng, số tiền này được chuyển vào tài khoản 060182443444 của ông Hoàng Duy S).

[1.5] Như vậy, tổng cộng 2 tài khoản có số tiền là 1.564.136.500 đồng. HĐXX phúc thẩm xét thấy: Theo lời trình bày của ông Hoàng Duy S thì giữa ông Hứa Hoàng T và ông S dùng chung tài khoản đó là 060182443444. Giữa ông Svà ông C ngoài việc chốt công nợ ngày 06/10/2020 thì hai bên đều xác nhận có việc giao dịch mua bán hàng hóa với nhau nhưng những lần giao dịch sau, mỗi lần nhận hàng đều thanh toán dứt điểm. Tuy nhiên, theo bị đơn cho rằng 16 lần giao dịch trên, ông C chuyển tiền trả cho nợ cũ với nội dung thể hiện ‘’Cường-chuyển tiền’’, còn những 09 lần giao dịch mới với nội dung thể hiện rõ ràng ‘’Hành, tỏi, có khi thể hiện bao nhiêu tấn’’ là chuyển tiền trả cho nợ mới, cụ thể:

- Ủy nhiệm chi ngày 04/5/2022 trả: 30.800.000 đồng;
- Ủy nhiệm chi ngày 06/5/2022 trả: 15.400.000 đồng;
- Ủy nhiệm chi ngày 24/5/2022 trả: 21.000.000 đồng;
- Ủy nhiệm chi ngày 27/5/2022 trả: 44.700.000 đồng;
- Ủy nhiệm chi ngày 28/5/2022 trả: 37.500.000 đồng;
- Ủy nhiệm chi ngày 07/6/2022 trả: 36.500.000 đồng;
- Ủy nhiệm chi ngày 27/6/2022 trả: 60.000.000 đồng;
- Ủy nhiệm chi ngày 06/7/2022 trả: 124.640.000 đồng;
- Ủy nhiệm chi ngày 19/7/2022 trả: 169.000.000 đồng;

[1.6] HĐXX tạo điều kiện cho nguyên đơn cung cấp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ. Xét thấy trong 16 giao dịch mà bị đơn cho rằng trả cho khoản nợ cũ đối chiếu so với file trích xuất báo cáo do nguyên đơn cung cấp thì ủy nhiệm chi ngày 14/12/2020 với số tiền thanh toán là 28.500.000 đồng; ủy nhiệm chi ngày 05/5/2022 với số tiền thanh toán là 38.000.000 đồng là trùng khớp với file trích xuất báo cáo. Còn các dữ liệu khác không trùng khớp với 14 ủy nhiệm chi do bị đơn cung cấp. Việc này được nguyên đơn lý giải có Đơn hàng là do nguyên đơn giảm bớt tiền cho bị đơn và có Đơn hàng được tính cộng dồn từng ngày lại với nhau so với ủy nhiệm chi do bị đơn cung cấp. Việc nguyên đơn lý giải như trên không có căn cứ chấp nhận đây là nợ mới, bởi lẽ ngoài việc không trùng khớp ra, việc cộng dồn các Đơn hàng của nguyên đơn không phù hợp với lời khai của bị đơn cho rằng các giao dịch mới được bị đơn trả ngay và trả dứt điểm sau khi lấy hàng. Mặt khác, ông S là người bán hàng cho ông T và từ ông T bán lại cho ông C thì không có căn cứ xác định ông T bán cho ông C như thế nào. Các thông tin nguyên đơn cung cấp đều căn cứ trên cơ sở từ phần mềm do ông S cung cấp cho SaPo. Đồng thời SaPo xác nhận *‘’trường hợp có điều chỉnh, chỉnh sửa thông tin dữ liệu tại thời điểm khác dẫn tới sai lệch dữ liệu so với bảng trên, SaPo không chịu trách nhiệm..SaPo*

không chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung dữ liệu''. Như vậy, ngay cả SaPo cũng không đảm bảo tính chính xác của nội dung dữ liệu. Hơn nữa, các nội dung nhắn tin trao đổi qua Zalo của ông C và bà Đào Thị Bích Phương kế toán cũng không thể hiện được thời gian nhận giao hàng của từng đơn hàng giữa ông C và kế toán. Những lần chuyển tiền của hai bên đều đan xen nhau. Các chứng từ thanh toán không có xuất hóa đơn bán hàng của kế toán, không có chữ ký xác nhận hay các chứng cứ khác thể hiện việc ông C khi nhận hàng. Các chứng cứ nguyên đơn cung cấp chỉ từ một phía, không được ông C thừa nhận và ký xác nhận. Song với 16 giao dịch trên thì chỉ có 02 giao dịch ủy nhiệm chi là trùng khớp với file trích xuất báo cáo về số tiền và thời gian trả nợ. Tổng cộng là: 28.500.000 đồng + 38.500.000 đồng = 67.000.000 đồng, được xác định đây là khoản nợ mới như nguyên đơn trình bày. HĐXX phúc thẩm xét thấy, ngoài 12 giao dịch được ông T thừa nhận ông C đã trả cho ông T số tiền 3.219.759.100 đồng tại giai đoạn sơ thẩm, cộng thêm 14 giao dịch được ông C cung cấp tại giai đoạn phúc thẩm: 1.564.136.500 đồng – 67.000.000 đồng = 1.497.136.500 đồng thì tổng cộng ông C đã trả được cho ông T là 4.716.895.600 đồng, mặc dù đã tính trừ đi số tiền 67.000.000 đồng được HĐXX xác định là nợ mới nhưng số tiền ông C đã trả cho ông T đã vượt quá số tiền ông T, ông C đã đối chiếu công nợ và hoàn toàn phù hợp với diễn biến khách quan của vụ án. Do đó, việc ông T cho rằng ông C chưa trả khoản nợ cũ là không có căn cứ.

[1.7] Như vậy, việc cấp sơ thẩm xác định ông C còn nợ ông T số tiền 1.094.180.900 đồng và buộc ông C phải có nghĩa vụ trả cho ông T tổng số tiền 2.057.005.786 đồng, trong đó nợ gốc 1.094.180.900 đồng và nợ lãi 962.824.886 đồng là hoàn toàn không có căn cứ. Tuy nhiên, việc đánh giá này không do lỗi chủ quan của cấp sơ thẩm vì trong quá trình sơ thẩm, bị đơn không tham gia tố tụng và tại giai đoạn phúc thẩm mới xuất trình chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án.

[2] Từ những phân tích trên, HĐXX có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Tiến C.

[3] Về án phí DSST: Ông Hứa Hoàng T phải chịu án phí do yêu cầu của mình không được chấp nhận.

[4] Do chấp nhận kháng cáo nên ông Bùi Tiến C không phải chịu án phí DSPT.

[5] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Tiến C. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hứa Hoàng T đối với ông Bùi Tiến C đối với việc buộc ông Bùi Tiến C có nghĩa vụ phải trả cho ông Hứa Hoàng T tổng số tiền 2.057.005.786 đồng, trong đó nợ gốc 1.094.180.900 đồng và nợ lãi 962.824.886 đồng. Quan điểm của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 351 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Tiến C.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 93/2023/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

2.1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hứa Hoàng T đối với ông Bùi Tiến C về việc *"Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền"*.

Xử: Ông Bùi Tiến C không có nghĩa vụ phải trả cho ông Hứa Hoàng T tổng số tiền 2.057.005.786 đồng, (trong đó nợ gốc 1.094.180.900 đồng và nợ lãi 962.824.886 đồng).

2.2. Án phí DSST: Ông Hứa Hoàng T phải chịu 73.140.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 37.400.000 đồng *(Ba mươi bảy triệu bốn trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0000040 ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại Chi cục Thành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Ông Hứa Hoàng T còn phải tiếp tục nộp 35.740.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi ngàn đồng)*.

2.3. Án phí DSPT: Hoàn trả lại cho ông Bùi Tiến C tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002285 ngày 03/11/2023 của Chi cục Thành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Trường hợp bản án, quyết định được Thành theo quy định tại Điều 2 Luật Thành án dân sự thì người được Thành án dân sự, người phải Thành án dân sự có quyền thỏa thuận Thành án, quyền yêu cầu Thành án, tự nguyện Thành án hoặc bị cưỡng chế Thành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thành án dân sự; thời hiệu Thành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân quận Thanh Khê;
- Chi cục THA dân sự quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bé